

## M U

### 1. Lý do chọn tài

Lĩnh vực đào tạo nghề nghiệp của ta đã có sự đổi mới và Nhà nước coi trọng, nhất là trong giai đoạn hiện nay, giai đoạn đẩy nhanh Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá (CNH - HĐH) đất nước. Sự nghiệp CNH - HĐH đòi hỏi một lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, trình độ văn hoá và khoa học công nghệ hiện đại. Chính sách Giáo dục - Đào tạo của Đảng và Nhà nước cũng dựa trên những nguyên tắc này, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng thị trường cho hoạt động sản xuất và học nghề của nhân dân.

Văn kiện này là văn kiện của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam lần thứ VIII xác định: Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII đã phân tích sâu sắc về các xác định những quan điểm, nội dung, đưa ra các mục tiêu và các giải pháp chính sách nhằm phát triển công tác đào tạo nghề nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Chính sách phát triển giáo dục giai đoạn 2001-2010 đã thể hiện những mục tiêu phát triển và nội dung trong thời kỳ đẩy mạnh CNH - HĐH là: coi trọng quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục và nghề nghiệp, chú trọng nâng cao ý thức kỷ luật lao động và tác phong lao động hiện đại. Giảm bớt đào tạo nghề nghiệp và học nghề, vì các ngành trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế; chú trọng đào tạo công nhân kỹ thuật, kỹ thuật viên, nhân viên nghiệp vụ trình độ cao; Luật giáo dục (2005) đã quy định về đào tạo nghề nghiệp phân cấp theo trình độ: Sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao cấp nghề; tạo sự cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế. Luật dạy nghề (2006) đã quy định chi tiết về các hoạt động dạy nghề.

Văn kiện này là văn kiện của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam lần thứ XIV chỉ rõ: Thực hiện có hiệu quả những mục tiêu và nội dung, phương pháp giáo dục và nghề nghiệp các cấp học, bậc học, cấp độ và giải pháp phát triển giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp; Tiếp tục thực hiện chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15/6/2004 của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và

cán bộ quản lý giáo dục. Về lao động việc làm: Phát triển ào tạo nghề; quy hoạch mạng lưới trường dạy nghề trong toàn tỉnh, công bố trường Kỹ thuật Tuyên Quang (Nay là trường Trung cấp nghề Tuyên Quang).

Trường Trung cấp nghề Tuyên Quang tiến thân là Trường Kỹ thuật Tuyên Quang được thành lập tháng 5 năm 2003. Chất lượng giáo dục còn nhiều bất cập, ví dụ: Giáo viên lý thuyết học thuật là kỹ sư mới ra trường chưa có ào tạo - bồi dưỡng trong các trường học sinh phẩm kỹ thuật; giáo viên thực hành chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, đặc biệt là trình độ kỹ năng nghề nghiệp cao; trình độ giáo viên tu nghiệp bình quân dưới 30 tuần do vậy còn thiếu kinh nghiệm trong chuyên môn nghiệp vụ. Trình độ cán bộ quản lý chủ yếu là các kỹ sư, cán bộ kỹ thuật chuyển từ các doanh nghiệp sản xuất, nhiều người quản lý không cao. Về chương trình ào tạo, Nhà trường đã tổ chức biên soạn trên cơ sở khung chương trình của Tổng cục Dạy nghề Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành, nhưng qua thực tiễn khai giảng chương trình ào tạo đã bộc lộ nhiều bất cập, đặc biệt là vấn đề nội dung lý luận không phù hợp với thực tiễn. Cơ sở vật chất trang thiết bị dạy nghề của UBND tỉnh, Tổng cục dạy nghề quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu, thiếu vốn kỹ thuật, thiếu vốn số lượng chưa phải là công nghệ hiện đại tiên tiến. Điều kiện ào tạo giáo dục công nhân kỹ thuật lành nghề của Nhà trường còn nhiều bất cập cần phải tiếp tục được cải thiện.

Kết quả khảo sát của các chuyên gia nghiên cứu đã khẳng định: Chất lượng thực hành nghề nghiệp của người tốt nghiệp các trường nghề còn hạn chế. Trong bối cảnh Việt Nam đã gia nhập WTO, các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm nhiều hơn về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao và đây là yêu cầu đặt ra hết sức cấp bách.

Có nhiều biện pháp nâng cao chất lượng ào tạo, một trong những biện pháp quan trọng đó là nâng cao chất lượng dạy thực hành trong các trường dạy nghề. Về mặt lý do trên, chúng tôi chọn tài liệu: "**Biện pháp quản lý dạy học nhằm nâng cao kết quả học thực hành nghề tại Trường Trung cấp nghề Tuyên Quang**".

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu xu hướng biến pháp quản lý dyhc thc hành ngh , góp phần nâng cao chất lượng ào tạo nghề t i Tr ãng Trung c p ngh Tuyên Quang.

## **3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

### **3.1. Khách thể nghiên cứu**

Vấn đề thực đ y h c th c hành nghề t i tr ãng Trung c p ngh Tuyên Quang.

### **3.2. Đối tượng nghiên cứu**

Hoạt động quản lý đ y h c th c hành t i Tr ãng Trung c p ngh Tuyên Quang.

## **4. Giả thuyết khoa học**

Trong công tác ào tạo nghề , chất lượng tay nghề của người t t nghi p ph thu c vào nhi u y u t . Trong các y u t liên quan, các biến pháp quản lý hoạt đ y h c th c hành nghề có tầm quan trọng c bi t. Do vậy, nếu hoàn thiện các biến pháp quản lý hoạt đ y h c th c hành, có sự kiểm soát t t khâu này, sẽ góp phần nâng cao chất lượng ào tạo nghề , đáp ứng yêu cầu của thị c trường.

## **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

5.1. Nghiên cứu các vấn đề lý luận liên quan đến công tác đ y th c hành tr ãng đ y ngh .

5.2. Kh o sát đánh giá thực trạng công tác đ y h c t i Tr ãng Trung c p ngh Tuyên Quang.

5.3. Xu hướng biến pháp nâng cao k t qu h c th c hành t i Tr ãng Trung c p ngh Tuyên Quang.

## **6. Phương pháp nghiên cứu**

### **6.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận**

Nghiên cứu các vấn đề, quy tắc và cùng với việc nghiên cứu các sách, tài liệu liên quan nhằm nghiên cứu như: Chất lượng đào tạo, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ thuật hành, phương pháp kỹ thuật hành, phương pháp kiểm tra đánh giá... có phân tích, tổng hợp và hình thức hoá những vấn đề làm cơ sở lý luận nghiên cứu tài.

## **6.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

Kết hợp nhiều phương pháp như phương pháp điều tra vị trí, phương pháp quan sát, ngoài ra khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp cụ thể còn sử dụng các phương pháp như: Phương pháp chuyên gia, phương pháp thống kê toán học.

## **7. Giới hạn phạm vi nghiên cứu**

### **7.1. Giới hạn nội dung nghiên cứu**

Tài liệu nghiên cứu mà tác giả nghiên cứu dựa trên quy định của Trung tâm Nghiên cứu Tuyên Quang (Phạm vi hoạt động của các thành phần hành nghề trong chương trình đào tạo).

### **7.2. Giới hạn khách thể điều tra**

Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng; các trưởng, phó phòng, khoa thực tiễn chuyên môn và các cán bộ giáo viên nhà trường; học sinh các trường.

## **8. Cấu trúc luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và các phụ lục, nội dung gồm 3 chương. Chương I: Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu; Chương II: Thực trạng công tác quản lý dạy học tại Trường Trung tâm Nghiên cứu Tuyên Quang; Chương III: Biện pháp quản lý dạy học nhằm nâng cao chất lượng thực tiễn tại Trường Trung tâm Nghiên cứu Tuyên Quang.

# CHƯƠNG I

## C S LÝ LUẬN C A V N NGHIÊN C U

### 1.1. Qu n lý

#### 1.1.1 M t s khái ni m c b n

T khi xã h i loài ng i xu t hi n, con ng i ã có nhu c u lao ng t p th hình thành nên c ng ng và xã h i, trong lao ng có s phân công, h p tác lao ng. Chính s phân công, h p tác lao ng này nh m t hi u qu nhi u h n, n ng su t cao h n trong công vi c. i u này òi h i ph i có s ch huy, ph i h p, i u hành, ki m tra... t c là ph i có ng i ng u. Ho t ng qu n lý c n y sinh t nhu c u ó. C.Mác vi t: “*B t k lao ng nào có tính xã h i chung và tr c ti p, c th c hi n v i quy mô t ng i l n u ít nhi u c n n s qu n lý... M t nh c s c t u thì t i u khi n l y mình nh ng m t dàn nh c thì c n ph i có nh c tr ng*” [4; 29, 30].

Nh v y, có th nói ho t ng qu n lý là t t y u n y sinh khi con ng i lao ng t p th và t n t i m i lo i hình t ch c, m i xã h i. Do ó, khái ni m qu n lý c nhi u tác gi ã ra theo nhi u cách t i p c n khác nhau. Ch ng h n:

- Theo “T i n ti ng Vi t”: “*Qu n lý là t ch c và i u hành các ho t ng theo nh ng yêu c u nh t nh*” [29; 789].

- Theo Harol Koontz: “*Qu n lý là ho t ng thi t y u b o m s n l c c a các cá nhân nh m t c các m c tiêu c a t ch c*” [13; 31].

- Theo Aunapu F.F: “*Qu n lý là m t h th ng XHCN, là m t khoa h c và là m t ngh thu t tác ng vào m t h th ng xã h i, ch y u là qu n lý con ng i nh m t c nh ng m c tiêu xác nh. H th ng ó v a ng, v a n nh bao g m nhi u thành ph n có tác ng qua l i l n nhau*” [1; 75]

- Thomas. J. Robbins - Wayned Morrison cho r ng: “*Qu n lý là m t ngh nh ng c ng là m t ngh thu t, m t khoa h c*” [25; 19].

n c ta, có nhi u nh ngh a khác nhau v qu n lý:

- Theo tác gi Nguy n V n Bình thì: “*Qu n lý là m t ngh thu t t c m c tiêu ã ra thông qua vi c i u khi n, ph i h p, h ng d n, ch huy ho t ng c a nh ng ng i khác*” [3; 176]

- Theo tác gi Hoàng Toàn: “*Qu n lý là s tác ng có t ch c, có nh h ng c a ch th lên i t ng qu n lý nh m s d ng có hi u qu nh t các ti m n ng, các c h i c a h th ng t c m c tiêu t ra trong i u ki n bi n chuy n c a môi tr ng*” [26; 43].

- GS Mai H u Khuê quan ni m: “*Qu n lý là s tác ng có m c ích t i t p th nh ng ng i lao ng nh m t c nh ng k t qu nh t nh và m c ích ã nh tr c*” [16; 19, 20].

- GS ng V Ho t và GS Hà Th Ng cho r ng: “*Qu n lý là m t quá trình có nh h ng, quá trình có m c tiêu, qu n lý m t h th ng là quá trình tác ng n h th ng nh m t c nh ng m c tiêu nh t nh. Nh ng m c tiêu này c tr ng cho tr ng thái m i c a h th ng mà ng i qu n lý mong mu n*” [14; 17]

- Theo GS Nguy n Ng c Quang: “*Qu n lý là tác ng có m c ích, có k ho ch c a ch th qu n lý n t p th nh ng ng i lao ng (khách th qu n lý) nh m th c hi n nh ng m c tiêu d ki n*” [22; 24]

Các nh ngh a trên tuy nh n m nh m t này hay m t khác nh ng i m chung th ng nh t u coi qu n lý là ho t ng có t ch c, có m c ích nh m t t i m c tiêu xác nh. Trong qu n lý bao gi c ng có ch th qu n lý, khách th qu n lý quan h v i nhau b ng nh ng tác ng qu n lý.

Nói m t cách t ng quát nh t, có th xem qu n lý là: M t quá trình tác ng gây nh h ng c a ch th qu n lý n khách th qu n lý nh m t c m c tiêu chung.

### 1.1.2. Chức năng hoạt động quản lý

Thế khái niệm trên, chức năng quản lý tác động vào khách thể quản lý nhằm thực hiện mục tiêu nhất định trên cơ sở thực hiện các chức năng quản lý, đó là: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.

Lập kế hoạch: Là chức năng bản nhất trong số các chức năng quản lý nhằm xác định rõ mục đích, mục tiêu và vì thế thành tựu tương lai cần đạt được và những quy định, biện pháp, cách thức đạt được kết quả những mục tiêu đó. Nói cách khác, lập kế hoạch là quá trình thiết lập các mục tiêu, hướng các hoạt động và các điều kiện mà bộ thực hiện các mục tiêu đó.

Tổ chức: Là quá trình hình thành nên cấu trúc các quan hệ giữa các thành viên, giữa các bộ phận trong một tổ chức và xây dựng chức năng, nhiệm vụ quy định của các bộ phận sao cho những cấu trúc đó thực hiện chức năng lên đi tương ứng quản lý một cách có hiệu quả những mục tiêu của kế hoạch. Nói về sự cần thiết của tổ chức, V.I. Lênin đã chỉ rõ: "*Liệu mà tổ chức có mạnh mẽ hay không? Có chứ! Khi mà tổ chức tốt thì công việc, tổ chức sự nhân sự công việc lên mà đi lên*".

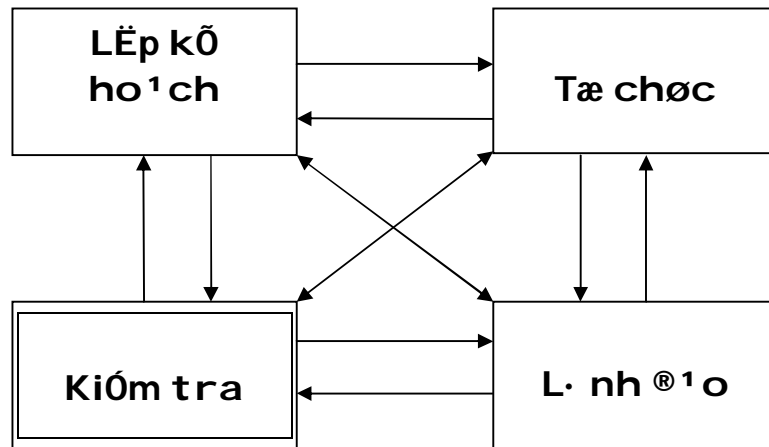
Lãnh đạo: Khi kế hoạch đã được thiết lập, các chủ yếu đã hình thành, nhân sự đã tuyển dụng và sắp xếp thì phải có người đứng ra lãnh đạo và điều khiển tổ chức. Đó là quá trình tác động lên con người để hoàn thành những nhiệm vụ công việc, thực hiện các mục tiêu của tổ chức.

Kiểm tra: Là một chức năng bản và quan trọng của quản lý. Lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không lãnh đạo. Kiểm tra là đánh giá, phát hiện và điều chỉnh những khuyết tật hoạt động của tổ chức nhằm thực hiện các mục tiêu của nó, hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

Ngoài 4 chức năng nêu trên trong chu trình quản lý, chức năng quản lý phải sử dụng thông tin như là một công cụ hay chức năng cần thiết thực hiện các chức năng trên.

Chúng ta có thể biểu diễn chu trình quản lý theo sơ đồ sau:

## Mối tr-êng b<sup>a</sup>n ngoi



Hình 1.1: M i quan h c a các ch c n ng trong quá trình qu n lý

### 1.1.3. Ý nghĩa c a ho t ng qu n lý

- Là s tính toán h p lý, khoa h c khi s d ng các ngu n l c, các bi n pháp, m b o cho ho t ng c a b máy n kh p, nh p nhàn giúp cho vi c nâng cao n ng su t lao ng t c m c tiêu chung c a t ch c.

- m b o s tr t t k c ng c a b máy thông qua vi c a ra nh ng quy nh có tính pháp lý nh : Lu t, quy ch , n i quy...

- Là nhân t c a s phát tri n: N u qu n lý t t d a trên nh ng c n c và công c v ng ch c s có s thúc ys phát tri n c a t ch c.

-Theo nghiên c u c a các nhà khoa h c, nh ng nguyên nhân th t b i, phá s n... c a các doanh nghi p, c quan, n v s n xu t... thì nguyên nhân thu c v qu n lý chỉ m 55%. Chính vì v y, khi t ch c l i b máy thì bi n pháp thay th ng i qu n lý thi u kh n ng b ng ng i qu n lý có n ng l c và kh n ng lãnh o t t là bi n pháp c s d ng nhi u nh t.

- Ngày nay, trong 5 nhân t phát tri n n n kinh t là: Tài nguyên, v n, công ngh , lao ng và ch t xám qu n lý thì ch t xám qu n lý c coi là y u t quan



trung hàng đầu có vai trò quyết định sự tăng trưởng và phát triển của một tổ chức kinh tế hay cá nhân.

- Quản lý là một nghệ thuật: Người quản lý phải phối hợp các nhân tố tài nguyên, vốn, công nghệ, lao động và chi tiêu quản lý thành sự kết hợp hài hòa, không mâu thuẫn để đạt được mục đích, tránh thất bại về mặt thu nhập hàng năm của tổ chức. Sự phối hợp các nguồn lực cá nhân, xã hội, kinh tế, sáng tạo các tình huống trong hoạt động cá nhân.

- Quản lý có tính khoa học: Trên cơ sở tích lũy kinh nghiệm, đúc kết kinh nghiệm thực tế, khái quát hoá những nguyên tắc thành những nguyên tắc, phương pháp và kỹ năng quản lý cá nhân.

- Quản lý có tính công nghệ: Trong xã hội hiện đại, việc nghiên cứu, áp dụng những thành tựu khoa học mới vào thực tiễn sản xuất hàng là xu hướng của quản lý hiện đại ngày nay. Phải hiểu sâu sắc các nguồn nhân lực, vật lực, tài lực và thông tin để đạt được mục tiêu.

Không chỉ vậy, nhân tố con người trong quản lý cá nhân cũng coi trọng. Sự năng động thông minh và sáng tạo kết hợp với tính nguyên tắc cũng coi là những phẩm chất cần của nhà quản lý. Đồng thời, việc ghi nhận và khuyến khích lợi ích của nhà quản lý và đội ngũ quản lý là một yếu tố quan trọng để thành công của một tổ chức doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh.

#### 1.1.4. Vai trò của quản lý trong sự phát triển xã hội.

Một xã hội muốn tồn tại và phát triển bao gồm các ngành 3 yếu tố: tri thức, lao động và quản lý.

Trên thực tế, khi loài người mới xuất hiện tri thức còn ít, lao động còn thô sơ, thì công xã hội có sự phát triển ngành nghề thì quản lý rất đơn giản. Ngày nay, sự phát triển tri thức phong phú lao động xuất hiện nhiều ngành nghề đòi hỏi trình độ cao thì việc quản lý càng phức tạp và càng đòi hỏi cao. Quản lý, tri thức và lao động là 3 yếu tố có mối quan hệ mật thiết, tác động lẫn nhau để nên sự phát triển của xã hội. Tri thức càng cao, lao động hiện đại đòi hỏi phải có quản lý giỏi, ngược lại quản lý giỏi sẽ thúc đẩy tri thức và lao động phát triển.

Tóm lại: Quản lý là yếu tố không thể thiếu trong sự sống và sự phát triển của xã hội loài người. Quản lý có tác động thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển của xã hội tu theo trình độ quản lý cao hay thấp. Chính vì vậy, trong thời kỳ ngày nay với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và công nghệ trí tuệ của con người càng đòi hỏi cao trình độ quản lý.

## 1.2. Quản lý điều hành

Điều hành là một lĩnh vực bao gồm tất cả các hoạt động của nhà quản lý nhằm cung cấp kinh tế và giáo dục cho sinh viên. Đó là công việc kết nối mục tiêu điều hành, thi thố các công trình điều hành, thực hiện các công trình và các vấn đề liên quan đến giám sát, đánh giá, kiểm tra, chọn lựa cùng các quy trình đánh giá khác, các chính sách liên quan đến chu trình và các phương pháp mà nhà quản lý điều hành.

Quản lý điều hành là sự vận hành của một hệ thống do nhiệm vụ và tổ chức thành. Các yếu tố này có nghĩa là các yếu tố của quá trình điều hành, mà yếu tố có tính chất, đặc điểm riêng, giữa chúng có mối quan hệ qua lại với nhau. Các yếu tố đó có quan hệ trực tiếp đến hoạt động của nhân cách, bao gồm: Mục tiêu điều hành; nội dung điều hành; phương pháp điều hành; lịch trình điều hành (nếu cần là ngắn hạn); vị trí điều hành (nếu cần là học trò); hình thức tổ chức điều hành; kỹ thuật điều hành; môi trường điều hành; quy chế điều hành; bộ máy tổ chức điều hành. Trong quá trình điều hành, các yếu tố trên vận hành, tác động lẫn nhau, làm nảy sinh những tình huống có vấn đề đòi hỏi các giải pháp kịp thời. Vì vậy, quản lý điều hành chính là quá trình xử lý tình huống có vấn đề trong quá trình điều hành nhà quản lý phát triển.

### 1.2.1 Mục tiêu quản lý điều hành

Mục tiêu quản lý là trạng thái được xác định trong tương lai của một tổ chức quản lý hay một sự vật cụ thể thành của nó. Nói một cách khác, mục tiêu quản lý là những kết quả mà chủ thể quản lý dự kiến sẽ đạt được do quá trình vận hành của một tổ chức quản lý dự kiến nếu khi cần các thủ tục quản lý.

Như trên đã xác định, vị trí của quản lý quá trình điều hành là hoạt động của thực thể, hoạt động học của trò... quá trình điều hành là một hệ thống bao gồm nhiệm vụ